TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày: 02-5-2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh.
Các hội thẩm nhân dân: bà Ngô Thị Luân;
bà Nguyễn Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 09/5/2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972.
Địa chỉ: xóm A, thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Trương Thị Quỳnh N, sinh năm 1994.
Địa chỉ: số F, khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/5/2023. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: ông Hoàng Văn H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vợ chồng ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1985.
Địa chỉ: thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trương Thị Quỳnh N thì:

Ngày 25/01/2022, bà Nguyễn Thị V thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn H một lô đất có diện tích 9264 m^2, thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ 45 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH 490966 ngày 15/12/2017. Giá chuyển nhượng là 2.050.000.000đ (Hai tỷ không trăm năm triệu đồng). Hai bên lập hợp đồng đặt cọc viết tay ghi ngày 25/01/2022, bà V đã đặt cọc cho ông H số tiền là 300.000.000đ. Thời hạn đặt cọc là 50 ngày kể từ ngày 25/01/2022 đến ngày 15/3/2022, hai bên sẽ ra Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Ông H có chỉ cho bà V vị trí thửa đất và cho xem bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, đến ngày 11/3/2022, ông Hoàng Văn H đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 9.264 m^2 thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45 xã L và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Út . Hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2376, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Ngô Văn T.

Bà V đã yêu cầu ông H phải trả lại tiền cọc cho bà V nhưng ông H không đồng ý. Đến nay các bên không thể thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H, buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ và bà V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H phải bồi thường khoản tiền tương ứng với số tiền đặt cọc do vi phạm hợp đồng là 300.000.000đ. Ngoài ra, bà V không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày tại biên bản lấy lời khai lập ngày 03/4/2024 thì:

Ngày 25/01/2022, ông và bà Nguyễn Thị V ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 9264m^2 thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Giá chuyển nhượng là 2.050.000.000đ, bà V đã đặt cọc cho ông số tiền là 300.000.000đ, số tiền còn lại là 1.750.000.000đ thỏa thuận khi nào ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng thì bà V giao đủ tiền cho ông. Thời hạn đặt cọc thỏa thuận là 50 ngày kể từ ngày 25/01/2022 đến hết 17 giờ ngày 15/3/2022. Nếu hết thời hạn đặt cọc mà ông không chuyển nhượng tài sản đặt cọc thì ông phải bồi thường cho bà V gấp hai lần, tổng số tiền hoàn trả và bồi thường là 600.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc ông đã chỉ ranh giới thửa đất và bàn giao đất cho bà V. Khi đó, bà V và ông Nguyễn Văn M là người đi đóng cọc mốc thửa đất. Tuy nhiên, sau đó bà V không sử dụng đất. Khoảng 40 ngày sau kể từ ngày đặt cọc thì bà V, vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ú đến diện tích đất nêu trên và gọi ông đến, lúc này bà V nói trên sổ không có đường đi nên bà V không mua đất nữa. Việc này bà V chỉ nói bằng miệng, ông cũng không ghi âm lại được. Sau đó khoảng 1 tuần, ông M, bà Ú và bà V gọi ông ra phòng công chứng Ngô Văn T. Tại hành lang Văn phòng công chứng Ngô Văn T, bà V nói

với ông là: có bán đất thì bán cho ông M là em của bà. Việc này ông cũng không ghi âm lại. Bà V cũng không đề cập gì đến hợp đồng đặt cọc giữa ông và bà V xác lập ngày 25/01/2022. Lúc này, ông biết là hợp đồng đặt cọc giữa ông và bà V còn thời hạn là 03 ngày nhưng ông nghĩ bà V nói ông có bán đất thì bán cho ông M em bà V thì ông tin tưởng xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 9264m^2 thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ú với giá là 1.700.000.000đ. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng ông M, bà Ú đã hoàn thành. Từ đó đến nay, bà V chưa lần nào đòi ông phải trả lại tiền đặt cọc.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà V thì ông đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc lập ngày 25/01/2022 giữa ông và bà Nguyễn Thị V về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 9264m^2 thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Ông không đồng ý trả lại tiền cọc là 300.000.000đ và bồi thường do vi phạm hợp đồng là 300.000.000đ cho bà V vì ông không vi phạm hợp đồng đặt cọc, bà V bảo không mua đất do trên sổ không có đường và bảo ông bán cho ông M là em bà V nên chưa hết thời hạn đặt cọc ông đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M, bà Ú là ông không có lỗi dẫn đến hợp đồng không được giao kết, thực hiện nên bà V phải bị mất tiền đặt cọc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ú trình bày tại bản tự khai ghi ngày 05/7/2023 thì: qua môi giới, vợ chồng ông, bà biết ông Hoàng Văn H. Ngày 11/3/2022, vợ chồng ông, bà và ông H gặp nhau, trò chuyện thì ông H nói đang cần tiền muốn bán gấp một lô đất tại xã L, mảnh đất có diện tích 9264m^2 thuộc thửa 76, tờ bản đồ số 45 với giá là 1.750.000.000đ. Tại thời điểm đó, vợ chồng ông, bà thấy giá chuyển nhượng như vậy là rẻ. Vợ chồng ông, bà cũng biết ông H đã nhận cọc của bà Nguyễn Thị V; vợ chồng ông, bà còn hỏi ông H: chỗ chị V thì H giải quyết thế nào? thì ông H nói: em lấy được tiền của anh, chị sẽ trả lại cọc cho chị V nên vợ chồng ông, bà tin tưởng và đồng ý mua. Hai bên đã đến Văn phòng công chứng Ngô Văn T làm thủ tục chuyển nhượng. Sau một thời gian ngắn có đoàn đo đạc của tỉnh về đo đạc lại thì vợ chồng ông, bà phát hiện ông H giao đất cho vợ chồng ông, bà không đúng diện tích, không đúng số thửa, không đúng hình thể mảnh đất thì vợ chồng ông, bà có yêu cầu ông H trả lại tiền cho vợ chồng ông, bà nhưng ông H không trả. Vợ chồng ông, bà đã tố cáo lên Công an xã và Công an huyện L nhưng Công an không giải quyết. Vợ chồng ông, bà làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, đến ngày 10/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã giải quyết bằng một bản án, tuyên ông H phải trả lại tiền cho vợ chồng ông, bà. Trong khi, vợ chồng ông, bà đang khởi kiện thì vợ chồng ông, bà cũng biết ông H chưa trả tiền cho bà V. Việc đặt cọc giữa bà V và ông H không liên quan đến vợ chồng ông, bà. Vì vậy, vợ chồng ông, bà không yêu cầu gì trong vụ án. Ngoài ra, vợ chồng ông M, bà Ú không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng ông H và vợ chồng ông M, bà Ú vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa bà

Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H, buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ và bà V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H phải bồi thường khoản tiền tương ứng với số tiền đặt cọc do vi phạm hợp đồng là 300.000.000đ; bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa, do vậy không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị V đối với diện tích 9264 m^2 đất thuộc thửa đất 76, tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn H phải bồi thường số tiền là 300.000.000đ do vi phạm hợp đồng. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng, buộc ông Hoàng Văn H phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:*

Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H, buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V với bị đơn ông Hoàng Văn H; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *"2. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên*

nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Ngày 25/01/2022, bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H xác lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 9264 m^2 đất thuộc thửa đất 76 tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, sau đó bà V và ông H không xác lập được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do chưa hết thời hạn đặt cọc, ông H đã tiến hành chuyển nhượng diện tích 9264 m^2 đất thuộc thửa đất 76 tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Út . Hiện nay, đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng đất không còn. Đồng thời, bị đơn ông H cũng thống nhất đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc nên cần tuyên hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H là phù hợp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu ông H phải trả lại số tiền đặt cọc là 300.000.000đ thì thấy rằng: trong phần tranh tụng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận bà V biết việc ông H tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ú khi chưa hết thời hạn đặt cọc theo thỏa thuận nhưng bà V không có ý kiến thắc mắc gì. Chỉ đến khi, quyền lợi của bà V không được giải quyết tại bản án giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ú với bị đơn ông Hoàng Văn H vào năm 2022 thì bà V mới khởi kiện ông H ra Tòa án. Như vậy, trong giao dịch dân sự đặt cọc giữa ông H và bà V, việc hai bên không xác lập được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mỗi bên đều có một phần lỗi. Do vậy, cần buộc ông H phải trả lại cho bà V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ là có căn cứ.

Trong lời khai, ông H không đồng ý trả lại số tiền đặt cọc là 300.000.000đ cho bà V vì cho rằng ông không có lỗi dẫn đến hợp đồng không được giao kết, thực hiện nên bà V phải bị mất tiền cọc là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Việc bà V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H phải bồi thường số tiền 300.000.000đ do vi phạm hợp đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định ở trên, căn cứ Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình; Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V, tuyên hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H, buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ là phù hợp.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về việc yêu cầu bị đơn ông H phải bồi thường số tiền 300.000.000đ.

Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc được chấp nhận là 300.000đ và tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà V là 300.000.000đ theo quy định của pháp luật, được tính như sau: 5% x 300.000.000đ = 15.000.000đ. Tổng cộng, buộc ông H phải chịu 15.300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: xét thấy, việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Văn H trong hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông H phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Chi phí giám định là 4.680.000đ, số tiền này bà V đã nộp đủ và đã được quyết toán xong nên cần buộc ông H phải trả lại cho bà V là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 161, Điều 162, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc: "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*" với bị đơn ông Hoàng Văn H.

Hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/01/2022 giữa bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn H đối với diện tích 9264 m^2 đất thuộc thửa đất 76 tờ bản đồ số 45 xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc ông Hoàng Văn H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền đặt cọc là 300.000.000đ *(ba trăm triệu đồng)*.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ông Hoàng Văn H phải bồi thường số tiền 300.000.000đ.

2. Về án phí: buộc ông Hoàng Văn H phải chịu 15.300.000đ *(mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 14.300.000đ *(mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013518 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng: buộc ông Hoàng Văn H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V toàn bộ chi phí giám định là 4.680.000đ *(bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng)*.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/5/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh